

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỦY NGUYÊN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 8 - 2020

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Huân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Doãn Văn Sáng

Bà Nguyễn Thị Lý

**- Thư ký phiên toà:** Bà Trần Thị Bích Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 337/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 182/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị T; địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

**- Bị đơn:** Anh Đỗ Đức H; địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Chị Bùi Thị T là nguyên đơn, trình bày nội dung chị kết hôn với anh Đỗ Đức H trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, Hải Phòng vào ngày 27 tháng 4 năm 2012. Sau lễ cưới, chị về chung sống cùng với anh H và bố mẹ anh H tại thôn Đ, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng. Cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận đến cuối năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H mãi chơi, cầm cố tài sản của gia đình dẫn đến việc chị T và gia đình phải thường xuyên lo trả nợ cho anh H. Chị T và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo anh H nhưng anh H vẫn không thay đổi. Đến đầu năm 2020 anh H vi phạm pháp luật vì

có hành vi trộm cắp tài sản và hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng. Vợ chồng sống ly thân nhau. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Đỗ Đức H. Chị T và anh H có hai con chung tên Đỗ Đức Hoàng H1 sinh ngày 27 tháng 8 năm 2012 và Đỗ Đức B sinh ngày 10 tháng 01 năm 2018. Khi ly hôn, chị T đề nghị Tòa án giao cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Chị và anh H tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, chị và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản.

Anh Đỗ Đức H là bị đơn, có bản tự khai trình bày quan điểm thống nhất với lời khai của chị T về thời gian và điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn. Nay chị T xin ly hôn, anh H cũng đồng ý ly hôn. Anh H đồng ý để chị T trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung tên Đỗ Đức Hoàng H1 sinh ngày 27 tháng 8 năm 2012 và Đỗ Đức B sinh ngày 10 tháng 01 năm 2018. Anh H không yêu cầu tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con và về tài sản chung.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên đã tuân theo đúng quy định của pháp luật quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Đỗ Đức H; đề nghị giao cháu Đỗ Đức Hoàng H1 và Đỗ Đức B cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nguyên đơn nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về tố tụng**

Bị đơn là anh Đỗ Đức H đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa và có đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

#### **[2] Về yêu cầu của chị Bùi Thị T ly hôn với anh Đỗ Đức H**

Chị T và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do đó, kết hôn giữa chị T và anh H là hợp pháp. Tài liệu xác minh thể hiện nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt. Anh H mãi chơi, thiếu quan tâm chăm sóc gia đình, không lo xây dựng kinh tế và có hành vi vi phạm pháp luật phải đi chấp hành án phạt tù dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Chị T xin ly hôn, anh H đồng ý ly hôn, điều này cho thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T xin ly hôn anh H.

[3] Về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con

Chị T và anh H có 02 con chung tên Đỗ Đức Hoàng H1 sinh ngày 27 tháng 8 năm 2012 và Đỗ Đức B sinh ngày 10 tháng 01 năm 2018. Khi ly hôn, chị T đề nghị được trực tiếp nuôi các con. Tuy nhiên để giao con chung cho ai nuôi thì cần phải xem xét mọi mặt và đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy, anh H hiện nay đang bị tạm giam, không có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Chị T là công nhân có thu nhập ổn định, các con chung ở cùng chị T được chăm sóc và phát triển bình thường về tâm sinh lý. Căn cứ vào quyền lợi mọi mặt và nguyện vọng của các con, điều kiện, hoàn cảnh của chị T, của anh H, Hội đồng xét xử xét giao cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi các con tên Đỗ Đức Hoàng H1 và Đỗ Đức B là phù hợp.

Cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con. Chị T và anh H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét đề nghị của các đương sự là tự nguyện, quyền lợi của các con vẫn được đảm bảo, anh H chưa có điều kiện cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không buộc anh H phải cấp dưỡng cho con.

[4] Về tài sản chung, Chị Bùi Thị T và anh Đỗ Đức H thống nhất lời khai không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí, chị Bùi Thị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

- Cho chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Đỗ Đức H.

- Giao cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng các con chung là Đỗ Đức Hoàng H1 sinh ngày 27 tháng 8 năm 2012 và Đỗ Đức B sinh ngày 10 tháng 01 năm 2018 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Chị Bùi Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp (ghi tại biên lai thu số 0000914 ngày 22/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên), chị Bùi Thị T đã nộp đủ án phí.

- Chị Bùi Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đỗ Đức H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**Nơi nhận:**

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND H.Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS H. Thủy Nguyên;
- UBND xã Lâm Động, H. Thủy Nguyên;
- Dương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Huân**